TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-PT
Ngày 15-01-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương;

Bà Trần Thị Lệ Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1442/2019/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận 12 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6205/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Châu Thị T; cư trú tại: đường E, khu phố G, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thế R; cư trú tại: đường H, tổ I, khu phố K, phường L, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – bà Châu Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 08/4/2019 và lời khai của nguyên đơn – bà Châu Thị T thì:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thế R chung sống từ năm 2005 và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01 ngày 04/3/2011. Sau khi kết hôn, Bà và ông R chung sống tại Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian

đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, ông R cờ bạc và thường xuyên bạo hành Bà gây thương tích, nghiêm trọng nhất là vào tháng 02/2018 và tháng 5/2019 phải có sự can thiệp của chính quyền địa phương và Bà phải điều trị tại bệnh viện. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng tăng, không thể hàn gắn nên từ tháng 01/2018 cho đến nay, Bà và ông R sống ly thân, ông R tự dọn đến Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Nhận thấy vợ chồng không thể hòa hợp để tiếp tục chung sống nên Bà khởi kiện yêu cầu ly hôn ông R.

Về việc nuôi con: Bà và ông R có 02 con chung là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 27/6/2005, giới tính: Nam và Nguyễn Châu Hà M, sinh ngày 18/4/2007, giới tính: Nữ. Hiện các con do Bà trực tiếp nuôi. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông R tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai của bị đơn – ông Nguyễn Thế R thì: Ông thống nhất với trình bày của bà Châu Thị T về thời điểm đăng ký kết hôn, quá trình chung sống. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân một phần là do Ông kinh doanh xưởng gỗ bị thua lỗ, phải vay tiền ngoài xã hội dẫn đến xích mích, cãi nhau. Ông không muốn chủ nợ gây ảnh hưởng đến cuộc sống của vợ, con và việc học hành của các con nên Ông chuyển đến sinh sống tại Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông nghi ngờ bà T có quan hệ tình cảm với người khác nên có đánh bà T tổng cộng 03 lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng. Mặc dù, Ông và bà T sống ly thân nhưng Ông vẫn liên lạc với vợ, con qua điện thoại và về đưa đón các con đi học. Ông không muốn gia đình đổ vỡ, ảnh hưởng đến tâm lý và việc học hành của các con nên Ông không đồng ý ly hôn bà T, đề nghị Tòa án cho Ông thêm thời gian để phục hồi kinh tế, lo cho gia đình và có nguyện vọng hòa giải đoàn tụ.

Về việc nuôi con: Ông và bà T có 02 con chung là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 27/6/2005, giới tính: Nam và Nguyễn Châu Hà M, sinh ngày 18/4/2007, giới tính: Nữ. Hiện các con do bà T trực tiếp nuôi. Nếu Tòa án quyết định cho Ông và bà T ly hôn thì Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Châu Hà M, giao con chung Nguyễn Nhật T cho bà T trực tiếp nuôi, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các Bản tự khai ngày 14/8/2019, các con chung là Nguyễn Nhật T và Nguyễn Châu Hà M đều có nguyện vọng được ở với mẹ nếu cha, mẹ ly hôn.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình số 1442/2019/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân quận 12 quyết định:

"Tuyên xử: Bác yêu cầu xin ly hôn của bà Châu Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của bà Châu Thị T xin được ly hôn đối với ông Nguyễn Thế R;

2. Về con chung: Có 02 con chung, Nguyễn Châu Hà M, sinh ngày 18/4/2007 và Nguyễn Nhật T, sinh ngày 27/6/2005. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Châu Thị T đối với ông Nguyễn Thế R nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét."

Ngoài ra, Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/10/2019, bà Châu Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo: Bà thường xuyên bị ông R bạo hành gây thương tích, phải điều trị tại bệnh viện nên Bà yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà: Yêu cầu ly hôn ông R.

Tại Bản tự khai ngày 30/12/2019, bị đơn – ông Nguyễn Thế R trình bày: Ông thừa nhận vì ghen, nghi ngờ bà T có quan hệ tình cảm với người khác nên Ông có đánh bà T tổng cộng 04 lần trong đó có các lần như bà T trình bày nhưng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng. Ông vẫn còn yêu thương vợ, con, mong muốn các con có đầy đủ cha và mẹ nên Ông không đồng ý ly hôn bà T, đề nghị Tòa án cho Ông thời gian khoảng 12 tháng để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn. Trường hợp Tòa án quyết định cho Ông và bà T ly hôn thì Ông đồng ý giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn – bà Châu Thị T trình bày: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà: Cho Bà được ly hôn ông Nguyễn Thế R và giao 02 con chung - Nguyễn Châu Hà M, sinh ngày 18/4/2007 và Nguyễn Nhật T, sinh ngày 27/6/2005 cho Bà trực tiếp nuôi, Bà không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con vì từ nhỏ các con đều sống với Bà, do Bà chăm sóc; Bà có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con trong khi ông R hiện không có nơi ở ổn định. Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông R tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Nguyễn Thế R trình bày: Ông đồng ý ly hôn bà Châu Thị T và đồng ý giao 02 con chung - Nguyễn Nhật T, sinh ngày 27/6/2005 và Nguyễn Châu Hà M, sinh ngày 18/4/2007 cho bà T trực tiếp nuôi, Ông không cấp dưỡng nuôi con như đề nghị của bà T. Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà T trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất thỏa thuận:

- Về hôn nhân: Bà Châu Thị T và ông Nguyễn Thế R thuận tình ly hôn.

- Về việc nuôi con: Giao 02 con chung - Nguyễn Nhật T, sinh ngày 27/6/2005 và Nguyễn Châu Hà M, sinh ngày 18/4/2007 cho bà T trực tiếp nuôi. Bà T không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông R tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Nam Định cấp ngày 04/3/2011 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Châu Thị T và ông Nguyễn Thế R là hợp pháp. Do bà T và ông R đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a, Khoản 5, Điều 27; Khoản 5, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về án phí dân sự sơ thẩm, bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng).

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo – bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 4, Điều 147; Điều 148; Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 55; Khoản 2, Điều 81; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Khoản 5, Điều 27; Khoản 5, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Sửa Bản án sơ thẩm:

1.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1.1. Về hôn nhân: Bà Châu Thị T và ông Nguyễn Thế R thuận tình ly hôn.

1.1.2. Về việc nuôi con:

Giao bà Châu Thị T trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2005, giới tính: Nam và Nguyễn Châu Hà M, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2007, giới tính: Nữ.

Bà Châu Thị T tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Thế R cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thế R có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung – Nguyễn Nhật T và Nguyễn Châu Hà M.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Châu Thị T và ông Nguyễn Thế R tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Châu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000680 ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà Châu Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Châu Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0107652 ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 12. Bà Châu Thị T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận 12;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Nam Định;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT (TM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Minh